TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2019/DS-PT
Ngày: 19-8-2019
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Hoài
Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Tỏ – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2018/TLPT-DS ngày 22 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp: *"Quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 244/2018/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 4 năm 2019; Thông báo số 663/TB-PT ngày 07/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông Bùi Xuân P, sinh năm: 1934, bà Trần Thị V, sinh năm: 1940; cư trú tại số 2/2, thôn AH, xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, ông P vắng mặt, bà V có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông P: Ông Bùi Thanh T, sinh năm: 1978; cư trú tại số 2/2, thôn AH, xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền do Ủy ban nhân dân xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng chứng thực ngày 17/4/2019), có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà V: Bà Bùi Thị Hoa L, sinh năm: 1980; cư trú tại thôn AH, xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy

quyền (Văn bản ủy quyền số 65, quyển số 01- SCT/CK,CĐ do Ủy ban nhân dân xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng chứng thực ngày 14/5/2018), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Cao T1, sinh năm 1972, cư trú tại số 272, đường BTX, Phường 2, thành phố A, tỉnh Lâm Đồng; Luật sư của Văn phòng luật sư Bá T - Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Bị đơn:

1. Vợ chồng ông Trần Anh L1, sinh năm: 1969, bà Trần Thị K H, sinh năm: 1973; cư trú tại số 4/2, thôn AH, xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, ông L1 vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông L1: Bà Trần Thị K H, sinh năm: 1973; cư trú tại số 4/2, thôn AH, xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền do Ủy ban nhân dân xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng chứng thực ngày 30/11/2016), có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1936; cư trú tại số 3/2, thôn AH, xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà M: Ông Thái Anh K, sinh năm: 1959; cư trú tại tổ 3 thôn AH, xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, (Văn bản ủy quyền do Ủy ban nhân dân xã LH, huyện ĐT chứng thực ngày 30/11/2016), có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng. Trụ sở: thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Văn P11, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phan Anh T2 – Phòng tài nguyên và Môi trường huyện ĐT, vắng mặt.

Người làm chứng:

- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: Số 30, đường TTH, Phường 2, thành phố A, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp:

- Ông Nguyễn Bình S, là người đại diện theo pháp luật (Chỉ huy trưởng), vắng mặt.

- Ông Phạm Quang S1 - Ban doanh trại Phòng hậu cần Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1187/UQ-BCH do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lâm Đồng chứng thực ngày 24/7/2019), vắng mặt.

- Cụ Phạm Văn K1, sinh năm: 1923, cư trú tại số 38, đường TTH, Phường 2, thành phố A, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người kháng cáo: Vợ chồng ông Bùi Xuân P, bà Trần Thị V – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của vợ chồng ông Bùi Xuân P, bà Trần Thị V thì: ngày 14/7/1981 Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lâm Đồng có quyết định cho ông Bùi Xuân P được làm nhà ở trên nền nhà cũ chiều dài 18m, chiều rộng 09m; phạm vi diện tích đất được sử dụng: hướng Đông bắc từ mép nền trở ra 12m, hướng Đông nam từ mép nền trở ra 18m (thực tế sử dụng diện tích 765m^2 đất, chiều rộng 21m, chiều dài 36m, vị trí phía tây kho ngoại thương); vợ chồng ông, bà sử dụng đất từ năm 1981 đến ngày 16/6/2008 được Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 497836 mang tên hộ ông Bùi Xuân P, bà Trần Thị V diện tích 765m^2 thửa 675, tờ bản đồ số 01 xã LH, huyện ĐT (Quyết định cấp GCNQSDĐ số: 1530/QĐ – UBND ngày 16/6/2008, vào sổ cấp giấy GCNQSDĐ: H.02143 – Q001/SCGCN, vào sổ địa chính: Trang 102 – Quyển 06). Đến tháng 9/2006 giữa vợ chồng ông, bà và ông L1, bà H, bà M phát sinh tranh chấp quyền sử dụng đất do có sự chênh lệch về diện tích so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông D (năm 1994) giảm 491m^2 đất, bà M giảm 175m^2 đất và diện tích 765m^2 thửa 675, tờ bản đồ số 01 xã LH, huyện ĐT ông bà được quyền sử dụng đất. Ông L1, bà H, bà M lấn chiếm toàn bộ diện tích 765m^2 đất, thuộc thửa 675, tờ bản đồ số 01, xã LH, huyện ĐT; trong đó vợ chồng ông L1, bà H lấn chiếm đất diện tích 491m^2, bà M lấn chiếm diện tích 175m^2 đất và toàn bộ diện tích 491m^2, 175m^2 hiện nay đang nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L1, bà M nên nay vợ chồng ông, bà yêu cầu ông Trần Anh L1, bà Trần Thị K H và bà Nguyễn Thị M trả phần diện tích lấn chiếm trên và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 450146 ngày 06/7/1994 do Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp cho ông Trần Ngọc D và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 457658 ngày 10/11/1994 do Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp cho bà Nguyễn Thị M.

- Theo lời trình bày của vợ chồng ông Trần Anh L1, bà Trần Thị K H thì năm 1975 ông Trần Ngọc D (bố ông Trần Anh L1) sang nhượng của ông Nguyễn Văn L3 diện tích đất $0^m17^s40^t$ lô 38, tờ 6 tại xã LH, huyện ĐT (chế độ cũ cấp quyền sở hữu cho ông Trần Trọng T3 vào ngày 05/8/1969). Ngày 27/8/1993 ông D đăng ký kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B450146 ngày 06/7/1994 diện tích 2.144m^2 có 400m^2 đất ở và 1.744m^2 đất trồng cà phê thuộc thửa 265 và diện tích 500m^2

thuộc thửa 320, đều tờ bản đồ số 01, xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng (ông D sang nhượng thửa 320 cho ông L1 vào năm 2005). Năm 2006 ông D chết, ông Trần Anh L1 được thừa kế toàn bộ tài sản của ông Trần Ngọc D. Nay vợ chồng ông P, bà V khởi kiện yêu cầu trả 491m^2 thuộc thửa 675, tờ bản đồ số 01, xã LH, huyện ĐT thì vợ chồng ông, bà không đồng ý và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 497836 mang tên hộ ông Bùi Xuân P, bà Trần Thị V diện tích 765m^2 thửa 675, tờ bản đồ số 01 xã LH, huyện ĐT.

- Theo bà Nguyễn Thị M thì vào năm 1974 vợ chồng bà mua của ông Lê Văn A, bà Nguyễn Kim T4 01 căn nhà ván lợp ngói, đến năm 1976 mua toàn bộ diện tích đất 1.200m^2 đất tại xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng; giấy nhượng nhà do ông A viết năm 1976 có xác nhận của chính quyền địa phương vào ngày 07/02/1977; đến ngày 10/11/1994 Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B457658 mang tên Nguyễn Thị M diện tích 1.560m^2 đất (trong đó có 400m^2 đất ở và 1.160m^2 đất trồng màu), thuộc thửa 266, tờ bản đồ số 01, xã LH, huyện ĐT. Sau khi sang nhượng nhà đất vợ chồng bà trực tiếp ở trên đất và sử dụng đất; năm 1981 ông P mua đất của ông L2, vợ chồng bà cho mượn nền nhà ở cuối vườn của ông bà để làm nhà ở tạm, sau một thời gian ông P trả lại và chuyển ra làm nhà trên diện tích mua của ông L2. Hiện nay, bà vẫn đang sử dụng đất đúng diện tích đất được cấp nên không đồng ý với khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu trả 175m^2 thuộc thửa 675, tờ bản đồ số 01, xã LH, huyện ĐT. Ngoài ra bà yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 497836 mang tên hộ ông Bùi Xuân P, bà Trần Thị V đối với diện tích đất 765m^2 thửa 675, tờ bản đồ số 01 xã LH, huyện ĐT.

- Theo lời trình bày của ông Võ Văn P1, người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện ĐT thì vào năm 2007 ông Bùi Xuân P có đơn khiếu nại với ông Trần Anh L1, bà Nguyễn Thị M lấn chiếm diện tích 765m^2 thuộc một phần thửa 265, 266 tờ bản đồ số 01, xã LH, huyện ĐT. Ngày 28/5/2007 Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 1093/QĐ-UBND chấp nhận nội dung đơn của ông P do đất có nguồn gốc ông P được Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lâm Đồng cấp theo Quyết định ngày 14/7/1981 và ngày 04/6/2007 ban hành Quyết định số 1165/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B450146 ngày 06/7/1994 cấp cho ông Trần Ngọc D, thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 457658 ngày 10/11/1994 cấp cho bà Nguyễn Thị M. Ngày 23/11/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 3170/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai giữa ông L1, bà M và ông P với nội dung không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông L1 và giữ nguyên Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 28/5/2007 của Ủy ban nhân dân huyện ĐT. Ngày 04/3/2008 ông Bùi Xuân P có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 765m^2. Do bản đồ địa chính xã LH được đo đạc lại vào năm 1998 các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 01 xã LH biến động như sau: Thửa số

265/2.144m^2 cấp cho ông Trần Ngọc D thành thửa mới 266/1.578m^2 (chênh lệch 566 m^2), thửa 266/1.560 m^2 đã cấp cho bà Nguyễn Thị M thành thửa mới 320/1.484 m^2 (chênh lệch 76 m^2). Diện tích đất tranh chấp được gộp vào thửa cũ 264/1.130 m^2 của ông Bùi Xuân P thành thửa mới 265/2.307 m^2 (đã trừ lộ giới 308 m^2). Nếu căn cứ vào bản đồ đo đạc năm 1991 và đo đạc năm 1998 thì diện tích đất tranh chấp là 566 m^2 + 76 m^2 = 642 m^2 nhưng qua đo đạc thực tế thì diện tích đất tranh chấp là 765 m^2 thuộc thửa đất 265/2.307m^2. Ngày 16/6/2008 ông Bùi Xuân P được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM497836 đối với diện tích đất 765m^2 thửa đất 675, tờ bản đồ số 01 xã LH, Đức Trọng. Tại Bản án hành chính số 06/2013/HCST ngày 25/12/2013 và bản án hành chính số 01/2014/HCST ngày 24/01/2014 của Tòa án nhân dân huyện ĐT đã hủy Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 28/5/2007 của Ủy ban nhân dân huyện ĐT về mặt nguyên tắc Ủy ban nhân dân huyện sẽ ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM497836 ngày 16/6/2008 đối với diện tích đất 765m^2 thửa đất 675, tờ bản đồ số 01 xã LH, huyệb Đức Trọng tuy nhiên do ông P đang khởi kiện tranh chấp đối với diện tích đất trên tại Tòa án nhân dân huyện ĐT nên Ủy ban nhân dân huyện ĐT chưa thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Bùi Xuân P.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 21/2018/DS-ST ngày 15/5/2018 Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Bùi Xuân P, bà Trần Thị V về việc yêu cầu ông Trần Anh L1, bà Trần Thị K H và bà Nguyễn Thị M trả lại phần diện tích lấn chiếm 765m^2, diện tích thực tế 752,5m^2 (*Trong đó: thửa 266 của bà Trần Thị K H, ông Trần Anh L1: có diện tích 339,5m^2, thửa 320 của bà Nguyễn Thị M: có diện tích 286m^2, thửa 264 của ông Trần Anh L1, bà Trần Thị K H: có diện tích 127m^2*) thuộc thửa 675, tờ bản đồ số 01 xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Anh L1, bà Trần Thị K H và bà Nguyễn Thị M.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM497836 ngày 16/6/2008 cấp cho hộ ông Bùi Xuân P, bà Trần Thị V diện tích 765m^2 thuộc thửa 675, tờ bản đồ số 01 xã LH, huyện ĐT theo Quyết định cấp GCNQSDĐ số: 1530/QĐ – UBND; vào sổ cấp giấy GCNQSDĐ: H.02143 – Q001/SCGCN, vào sổ địa chính: Trang 102 – Quyển 06.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm cho ông Bùi Xuân P, bà Trần Thị V. Hoàn trả cho ông Bùi Xuân P, bà Trần Thị V số tiền 2.500.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2012/0005853 ngày 16/5/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 21/5/2018 ông Bùi Xuân P, bà Trần Thị V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa,

Bà Trần Thị V, người đại diện theo ủy quyền của ông P là anh Bùi Thanh T và người đại diện theo ủy quyền của bà V là bà Bùi Thị Hoa L vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Bà Trần Thị K H, người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị M là ông Thái Anh K không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Bùi Xuân P, bà Trần Thị V, sửa Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc vợ chồng ông Bùi Xuân P, bà Trần Thị V cho rằng vợ chồng ông L1, bà H và bà M có hành vi lấn chiếm 752,5m^2 đất thuộc thửa 675, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng, trong đó vợ chồng ông L1, bà H lấn chiếm 466,5m^2, bà M lấn chiếm 286m^2 nên yêu cầu các đồng bị đơn phải trả lại diện tích đất lấn chiếm nói trên đồng thời yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B540146 do Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp cho ông Trần Ngọc D (bố của ông L1) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 457658 cấp cho bà M ngày 10/11/1994. Vợ chồng ông L1, bà H và bà M không đồng ý đồng thời có đơn phản tố yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM497836 do Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp cho vợ chồng ông P, bà V ngày 16/6/2008 với diện tích đất 765m^2 thuộc thửa 675, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*" là đúng quy định pháp luật.

[2] Theo hồ sơ thể hiện thì diện tích đất 752,5m^2 thuộc thửa 675, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng hiện các bên đang tranh chấp theo vợ chồng ông P, bà V trình bày thì có nguồn gốc trước đây thuộc chế độ cũ quản lý sử dụng làm đồn bốt, trên đất có một nền xi măng, có chiều dài 18m, rộng 09m, dày 0,3m, sau giải phóng diện tích đất trên do quân đội quản lý. Năm 1981 vợ chồng ông P, bà V có làm đơn xin Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lâm Đồng cho làm nhà trên nền xi măng cũ và được Ban chỉ huy quân sự tỉnh Lâm Đồng

có Quyết định không số ngày 14/7/1981 cho phép vợ chồng ông P, bà V được làm nhà ở trên nền nhà cũ, nguyên đơn đã sử dụng từ năm 1981 đến năm 2006 thì vợ chồng ông L1, bà H và bà M lấn chiếm canh tác, nguyên đơn đã có đơn khiếu nại và được Ủy ban nhân dân huyện ĐT ban hành Quyết định số 1093/QĐ-QĐUB ngày 28/5/2007 chấp nhận nội dung khiếu nại của vợ chồng ông P, bà V, thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông L1, bà H và bà M, tại Quyết định số 3170/QĐ-UBND ngày 23/11/2007 Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên Quyết định số 1093/QĐ-QĐUB của Ủy ban nhân dân huyện ĐT.

Về phía vợ chồng ông L1, bà H và bà M cho rằng: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do ông Trần Ngọc D (bố của ông L1) sang nhượng lại của ông Nguyễn Văn L3 vào năm 1975, còn bà M sang nhượng lại của ông A vào năm 1974, đất đã được chế độ cũ cấp giấy chứng nhận, đến năm 1994 được Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi nhận chuyển nhượng các hộ trên đã sử dụng ổn định cho đến năm 2006 phát sinh tranh chấp với vợ chồng ông P, bà V, năm 2007 ông P có đơn khiếu nại và được Ủy ban nhân dân huyện ĐT giải quyết, đến năm 2008 ông P được Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất nêu trên. Việc ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông P, bà V vào năm 2008 sau khi có Quyết định giải quyết khiếu nại là trái thẩm quyền. Do vậy, vợ chồng ông L1, bà H và bà M yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông P đối với diện tích đất tranh chấp.

[3] Qua xem xét toàn diện chứng cứ do các bên cung cấp thấy rằng: Ủy ban nhân dân huyện ĐT căn cứ vào Quyết định không số ngày 14/7/1981 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lâm Đồng cho phép ông Bùi Xuân P được phép sử dụng diện tích đất nói trên, nhưng không kiểm tra trên thực tế đất này thuộc quyền quản lý của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, trong khi đó diện tích đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp cho ông Trần Ngọc D, bà Nguyễn Thị M vào năm 1994. Ngày 10/3/2017 Tòa án nhân dân huyện ĐT có công văn gửi Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lâm Đồng yêu cầu xác nhận về việc cấp đất cho ông Bùi Xuân P tại khu vực đất gia đình trường quân sự. Đến ngày 05/5/2017 Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lâm Đồng đã cử cán bộ phối hợp kiểm tra thực địa vị trí diện tích đất tranh chấp và đã có Công văn số 564/BC-PCH ngày 05/5/2007 trả lời đối với lô đất có chiều dài 18m, chiều rộng 9m (hướng Đông bắc từ mép nền trở ra 12m, hướng Đông Nam từ mép nền trở ra 18m) cấp theo Quyết định không số ngày 14/7/1981 có họa đồ do ông P tự vẽ tại vị trí phía tây kho ngoại thương hiện nay không có giá trị pháp lý. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lâm Đồng cũng không có quyết định cấp đất đối với chiều rộng 21m, chiều dài 36m tại vị trí này, do khu vực đất giáp ranh phía tây kho ngoại thương không phải khu đất gia đình trường

quân sự nên không thuộc quyền quản lý của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh. Ngoài ra ngày 18/10/2017 Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lâm Đồng có công văn phúc đáp bổ sung nội dung Công văn số 564/BC-PCH ngày 05/5/2007 và xác định qua kiểm tra hồ sơ quản lý, sử dụng đất lưu trữ tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lâm Đồng đến thời điểm năm 2017 không thể hiện vị trí lô đất này" và vị trí lô đất có tranh chấp không thuộc quyền quản lý của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lâm Đồng.

Tại giai đoạn phúc thẩm, ngày 16/8/2019 Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lâm Đồng tiếp tục có Công văn số 1320/BCH-HC xác định phần diện tích đất nói trên không có hồ sơ lưu quản lý nên không thể khẳng định. Ngoài ra năm 1988 ông P được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lâm Đồng cấp đất với diện tích 1.740m^2 theo Quyết định số 261/QĐ/CĐ ngày 01/7/1988 thuộc đất khu gia đình Trường quân sự tỉnh (Trường quân sự địa phương cũ); hiện nay vị trí đất này tọa lạc gần khu vực đường cao tốc LK – ĐL. Đối với việc cấp đất cho số cán bộ tại Khu vực huyện đội cũ nằm gần khu vực diện tích đất hiện nay nguyên đơn đang sử dụng thì không có tên của ông P. Như vậy diện tích đất các bên đang tranh chấp không phải đất quân sự và do Ban Chỉ huy quân sự tỉnh Lâm Đồng quản lý, trong trường hợp ông P được cấp (nếu có) thì cũng không đúng với quy định hiện hành bởi lẽ bị đơn xuất trình được căn cứ chứng minh nguồn gốc đất là do gia đình nhận chuyển nhượng của người khác.

[4] Mặt khác diện tích đất tranh chấp trên theo tờ bản đồ số 01 đo đạc chỉnh lý 1998 tại các thửa 266, 320, 264 đều có phần tiếp giáp như sau: phía trước giáp đường, phía sau giáp kho ngoại thương và sau khi có các quyết định của Ủy ban nhân dân huyện ĐT (QĐ 1093, QĐ 3710, QĐ 1166, QĐ 1165 mới có việc điều chỉnh, đăng ký trong sổ mục kê và hình thành thửa 675, tờ bản đồ số 1 xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng để cấp đất cho vợ chồng ông P, bà V và tại tờ bản đồ số 05 năm 2012 do bàn giao từ giữa Ủy ban nhân dân xã LH và Ủy ban nhân dân thị trấn LN quản lý cũng không thể hiện có ranh giới hình thành nên thửa 675, vợ chồng ông P, bà V chỉ xuất trình được chứng cứ chứng minh diện tích đất 752,5m^2 được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/7/1981 có họa đồ được ông P xác nhận tự vẽ tại vị trí phía tây kho ngoại thương. Trong khi đó bị đơn ông L1, bà H cung cấp các chứng cứ gồm: Giấy nhượng đất giữa Trần Trọng T3, bà Nguyễn Thị X với ông Phạm Văn N ngày 19/02/1974, Giấy nhượng đất giữa ông Phạm Văn N, bà Bùi Thị N1 với ông Nguyễn Văn L3 ngày 29/12/1974, đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất diện tích 2.644m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 450146 năm 1994 , diện tích 2.644m^2, 01 Quyết định cấp quyền sở hữu đất chiếm canh cấp ngày 18/3/1970 mang tên Trần Trọng T3. Bà M cung cấp chứng cứ là Giấy nhượng nhà của ông Lê Văn A ngày 15/02/1976 (diện tích là 1 sào 2 đất), đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất diện tích 1.560m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B457658 năm 1994, diện tích 1.560m^2, 01 chứng thư cấp quyền sở hữu mang tên Nguyễn Viết T5 1 sào 2

ngày 18/3/1970. Như vậy các chứng cứ các bị đơn đưa ra phù hợp với nguồn gốc đất đang sử dụng và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện ĐT do ông Võ Văn P1 đại diện cũng xác nhận, tại bản án hành chính số 06/2013/HCST ngày 25/12/2013 và Bản án hành chính số 01/2014/HCST ngày 24/01/2014 của Tòa án nhân dân huyện ĐT đã hủy Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 28/5/2007 của Ủy ban nhân dân huyện ĐT, về mặt nguyên tắc Ủy ban nhân dân huyện ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 497836 ngày 16/6/2008 đối với diện tích đất 765m^2 thửa đất 675, tờ bản đồ số 01 xã LH, huyện ĐT tuy nhiên do ông P đang khởi kiện tranh chấp đối với diện tích đất trên tại Tòa án nên Ủy ban nhân dân huyện chưa thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Bùi Xuân P.

[5] Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cho rằng tại thời điểm Ban Chỉ huy quân sự tỉnh Lâm Đồng cấp diện tích đất nói trên, gia đình nguyên đơn chưa có nhà, đất để sinh sống, sử dụng. Tuy nhiên theo nội dung đơn xin cấp đất của ông P lập ngày 27/5/1981 thì thể hiện tại thời điểm này gia đình ông P đã nhận chuyển nhượng 01 sào đất, "quá ít ỏi làm nhà thì không còn đất sản xuất bao nhiêu", do chưa có đất sản xuất nên mới xin cấp thêm đất. Do vậy việc trình bày của nguyên đơn là có mâu thuẫn. Cũng tại đơn này ông P cũng xác định tứ cận của lô đất, trong đó thể hiện rõ phần đất này nằm sau nhà của các bị đơn, điều này chứng tỏ phần đất của các đồng bị đơn đang sử dụng tiếp giáp với phần đất hiện nay đang tranh chấp và có nguồn gốc là của gia đình của các đồng bị đơn nhận chuyển nhượng từ trước kia.

[6] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thấy rằng: do xác định diện tích đất tranh chấp là của các đồng bị đơn nên không có căn cứ hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B540146 do Ủy ban nhân dân huyện cấp cho ông Trần Ngọc D (bố của ông L1) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 457658 cấp cho bà M ngày 10/11/1994, cần chấp nhận yêu cầu phản tố của các đồng bị đơn, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 497836 do Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp cho ông P, bà V ngày 16/6/2008 với diện tích đất 765m^2 thuộc thửa 675, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

[7] Cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện chứng cứ nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Xuân P, bà Trần Thị V, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[8] Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm, nguyên đơn có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp" đối với diện tích đất 666m^2 thuộc một phần thửa 675, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số AM 497836 do Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp ngày 16/6/2008. Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 23/01/2019 "Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp" theo quy định tại Khoản 8, Khoản 17 Điều 114 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên cần hủy Quyết định định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời vừa nêu là phù hợp.

[9] Về chi phí tố tụng: Tại giai đoạn sơ thẩm vợ chồng ông P, bà V nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản là 2.200.000đ; tại giai đoạn phúc thẩm ông P nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.500.000đ. Tổng cộng vợ chồng ông P, bà V nộp 4.700.000đ. Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên ông P, bà V phải chịu toàn bộ chi phí này (vợ chồng ông P, bà V tạm nộp và đã quyết toán xong).

[10] Về án phí: Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm và Dân sự phúc thẩm cho vợ chồng ông P, bà V do là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 29, Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Bùi Xuân P, bà Trần Thị V, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Bùi Xuân P, bà Trần Thị V về việc yêu cầu vợ chồng ông Trần Anh L1, bà Trần Thị K H và bà Nguyễn Thị M trả lại phần diện tích lấn chiếm 765m^2, diện tích thực tế 752.5m^2 (Trong đó: thửa 266 của vợ chồng ông Trần Anh L1, bà Trần Thị K H: có diện tích 339,5m^2, thửa 320 của bà Nguyễn Thị M: có diện tích 286m^2, thửa 264 của vợ chồng ông Trần Anh L1, bà Trần Thị K H: có diện tích 127m^2) thuộc thửa 675, tờ bản đồ số 01 xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của vợ chồng ông Trần Anh L1, bà Trần Thị K H và bà Nguyễn Thị M.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 497836 ngày 16/6/2008 cấp cho hộ ông Bùi Xuân P, bà Trần Thị V diện tích 765m^2 thuộc thửa 675, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại xã LH, huyện ĐT theo Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 1530/QĐ – UBND; vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H.02143 – Q001/SCGCN, vào sổ địa chính: Trang 102 – Quyển 06.

3. Về chi phí tố tụng: Vợ chồng ông P, bà V phải chịu 4.700.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản (vợ chồng ông P, bà V tạm nộp và đã quyết toán xong).

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm và án phí Dân sự phúc thẩm cho vợ chồng ông Bùi Xuân P, bà Trần Thị V. Vợ chồng ông P, bà V được nhận lại số tiền 2.500.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm và 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/0005853 ngày 16/5/2014 và số AA/2016/0005869 ngày 04/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV &THA TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện ĐT;
- Đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch